

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuận

Các hội thẩm nhân dân:

Ông: Trần Đình Long - Cán bộ nghỉ hưu

Ông: Y Míp Niê - Giáo viên nghỉ hưu

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc - Thư ký tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Phan Xuân Tạo- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/HSST-QĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST ngày 16 tháng 7 năm 2019, thông báo mở phiên tòa số 04/1019/TB-TA ngày 18 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T; Sinh ngày 05/11/2000 tại tỉnh Đắk L; Nơi cư trú: Thôn Quảng A, xã Ea H, huyện Krông N, tỉnh Đắk L; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Trần Văn H, sinh năm 1950. Họ tên mẹ: Vũ Thị H, sinh năm 1956. Trú tại thôn Quảng A, xã Ea H, huyện Krông N, tỉnh Đắk L; Anh em ruột: Có 06 anh chị em, bị cáo là con út;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/01/2019 Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông N. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

2. Họ và tên: Lê Văn P; Sinh ngày 10/11/1999 tại tỉnh Đắk L. Nơi cư trú: Thôn Tân P, xã Ea T, huyện Krông N; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Họ tên bố : Lê K, sinh năm 1958; Họ tên mẹ: Hoàng Thị G, sinh năm 1962; Trú tại thôn Tân P, xã Ea T, huyện Krông N; Anh em ruột: 04 anh chị em, bị cáo là con út.

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo đang chấp hành án trong một vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Ông Dương Văn T - Sinh năm: 1974. Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk L. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Dương Văn A - Sinh năm: 2002 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân C, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk L.

Anh Phan Văn H - Sinh năm: 2001 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Tân H, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk L.

Người đại diện theo pháp luật Trường THCS Nguyễn D - Ông Trần Võ T: Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ: Trường THCS Nguyễn D, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk L.

Người làm chứng:

Anh Đặng Hoàng H - Sinh năm: 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân C, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk L.

Anh Tường Văn S - Sinh năm: 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Tân C, xã Ea T, huyện Krông N, tỉnh Đắk L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 24/11/2018, Trần Văn T cùng Lê Văn P, Dương Văn A, Trần Quang T mang theo kiếm, rựa đến khu vực trường Trung học cơ sở Nguyễn D thuộc thôn Tân C, xã Ea T, huyện Krông N để đánh nhau với nhóm thanh niên khác. Khi đến cổng trường nhóm T giấu kiếm, rựa vào bụi cây gần quán nước trước cổng trường rồi vào quán nước ngồi chờ. Một lúc sau có Phan Văn H đến ngồi cùng nhóm T. Khoảng 14 giờ cùng ngày, không thấy nhóm thanh niên kia đến nên nhóm T mượn xe mô tô của H và xe đạp điện của học sinh trong trường chạy vào trường chơi. Thấy nhóm T gây mất trật tự trong trường nên ông Dương Văn T (là bảo vệ của trường) đóng cổng lại. T đi đến gây sự với ông T thì bị ông T dùng tay tát vào mặt còn P, T, A bỏ xe lại leo qua tường rào ra ngoài. Khi T leo ra ngoài thì P, T, A cầm rựa leo vào đuổi đánh ông T nhưng không đánh được nên leo tường rào ra ngoài. T cầm rựa chặt ổ khóa ở cổng phụ nhưng không chặt được nên T về nhà lấy kìm cộng lực để cắt ổ khóa còn P, A, T đến quán nước. Khi đến gần cổng chính, do bức tức việc ông T đánh mình nên T lấy kiếm từ tay của P rồi đưa lại rựa cho P giữ. T cầm kiếm leo qua tường rào đến chỗ ông T đứng trước khu tập thể dùng kiếm chém trúng tay ông T rồi bỏ chạy. Sau đó ông T được đưa đến Bệnh viện đa khoa vùng Tây N điều trị.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số: 1327/PY-TgT ngày 26/11/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk L, kết luận: Dương Văn T bị vết thương gây hai xương cẳng tay trái. Tỷ lệ thương tích là 26%, vật tác động: Sắc bén.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích bổ sung số: 126/PY-TgT ngày 05/01/2019, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk L, kết luận: Dương Văn T bị vết thương cẳng tay trái, đứt toàn bộ nhóm cơ duỗi cẳng tay. Tỷ lệ thương tích là 33%, vật tác động: Sắc bén. Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông N đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Cáo trạng số 45/CT-VKS ngày 10/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn P về tội: *Cố ý gây thương tích*, theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như đã công bố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chúng

minh rõ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a, i, k khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 năm đến 6 năm 06 tháng năm tù.

Áp dụng: Điểm a, i, k khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn P từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại và các bị cáo về việc bồi thường trách nhiệm dân sự. Buộc các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn P phải liên đới bồi thường toàn bộ chi phí điều trị vết thương và các chi phí hợp lý khác cho bị hại Dương Văn T là 80.000.000 đồng. Công nhận bị cáo T đã bồi thường 30.000.000 đồng. Các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông T số tiền còn lại 50.000.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm với đại diện viện kiểm sát.

Bị hại không có ý kiến tranh luận gì thêm, về trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, về trách nhiệm dân sự đề nghị công nhận sự thỏa thuận mức bồi thường đã thỏa thuận với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện: Khoảng 14 giờ ngày 24/11/2018, tại trường Trung học cơ sở Nguyễn D thuộc thôn Tân C, xã Ea T, huyện Krông N, Trần Văn T và Lê Văn P, dùng kiếm chém trúng tay ông Dương Văn T, gây thương tích 33%.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Văn T và Lê Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Điểm a, khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này...”

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tới quyền được bảo hộ sức khỏe của người khác, mà còn làm ảnh hưởng tới tình hình trật tự an trên địa bàn. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình. Đây là một vụ án đồng phạm giản đơn, do đó cần phân tích đánh giá vai trò của từng bị cáo. Trong vụ án, bị cáo T là người trực tiếp dùng dao chém gây thương tích cho bị hại, do đó bị cáo phải chịu hành phạt nặng hơn đối với bị cáo P.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng định khung là dùng hung khí nguy hiểm.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo T đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

Từ những phân tích nhận định nêu trên HĐXX thấy rằng cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra. Do đó cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian dài để cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội và cũng là phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 41, Điều 42 BLHS và Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự: Tại phiên tòa bị hại anh Dương Văn T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ chi phí điều trị vết thương và các chi phí hợp lý khác: Gồm tiền thuốc và điều trị tại bệnh viện; tiền thuê xe đi khám; tiền công người chăm sóc tại bệnh viện; tiền công không lao động được, tiền tổn thất tinh thần là 80.000.000 đồng. Các bị cáo đồng ý với mức bồi thường 80.000.000 đồng mà bị hại yêu cầu, HĐXX xét thấy tại phiên tòa bị hại và các bị cáo tự thỏa thuận được với nhau về mức bồi thường, việc thỏa thuận là tự nguyện nên HĐXX công nhận thỏa thuận trên. Về tỷ lệ bồi thường xét thấy bị cáo T là người trực tiếp gây thương tích cho ông T nên bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cao hơn bị cáo P một phần, do đó bị cáo T phải bồi thường cho ông T 53.333.000 đồng, công nhận bị cáo đã bồi thường 30.000.000 đồng, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 23.333.000 đồng. Bị cáo P phải bồi thường cho ông T số tiền là 26.667.000 đồng.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 29/01/2019.

Áp dụng: Điểm c khoản 3 Điều 134; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Văn P 05 (năm) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS và Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với bị hại về việc bồi thường toàn bộ chi phí điều trị 80.000.000 đồng cho ông Dương Văn T. Chia theo phần bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho ông Dương Văn T số tiền 53.333.000 đồng. Công nhận bị cáo Tú đã bồi thường 30.000.000 đồng cho ông T, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 23.333.000. Bị cáo Lê Văn P phải bồi thường cho ông T số tiền là 26.667.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc bị cáo Trần Văn T, Lê Văn P mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST. Bị cáo Trần Văn T phải nộp 1.166.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Lê Văn P phải nộp 1.333.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp
- VKSND huyện Krông Nô;
- Công an huyện Krông Nô;
- THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Phạm Minh Thuận